

16°
Indoch
752

XUÂN DIỆU

E.196

THANH NIÊN
với
QUỐC VĂN

THỜI ĐẠI

752

THANH NIÊN VỚI QUỐC VẤN

XUÂN DIỆU

@TIEULUN 2024

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Phần chính tập sách này là bài Thanh niên với quốc văn, tiểu luận đã nói ở trường Đại-Học hôm mùng 4 tháng II 1945. Tuy nói với sinh viên, mà cũng là nói chung với học-sinh Việt-Nam, rộng hơn nữa, với thanh-niên trí-thức người Việt.

Trong phạm-vi ngắn ngủi của một bài diễn thuyết, tác-giả đã phải thu lại, và chỉ nói sơ qua những quan-niệm cần có. Những quan-niệm ấy sẽ được phát biểu rõ ràng, tách bạch và đầy đủ trong quyển « Hịch văn chương » sẽ xuất bản. Sau bài « Thanh niên với quốc văn », chúng tôi thêm bốn bài khác của ông Xuân-Diệu:

Hàng bia Văn miếu, in năm 1938.

Tuy-lý-vương, thi-sĩ Tào, in năm 1938.

Cái học quần quanh, viết năm 1944.

Công danh với sự nghiệp, viết năm 1945 (20-II)

Bạn đọc sẽ thấy mối liên-lạc giữa năm bài in ra đây. Để gột cái óc nô lệ của người mình, chúng tôi tưởng những bài này lúc nào cũng còn ý nghĩa.

NHÀ XUẤT BẢN

SINH VIÊN VỚI QUỐC VĂN

Thưa các bạn,

Chưa khi nào tôi nói trước đông người. Lần này nói với các bạn, đó là lần thứ nhất của tôi. Tôi không muốn mang cái vẻ dễ thành ra khô-hài của một nhà diễn-thuyết. Đây chỉ là một cuộc trò chuyện, nó có vẻ một câu chuyện tâm-tinh. Tâm-tinh với quốc-văn, tâm-tinh của chúng ta đối với quốc văn.

Sinh-viên với quốc-văn ! Sinh-viên Việt-Nam với quốc văn Việt-Nam ! Biết bao nhiêu điều các bạn có thể tự tình kể lể với cái hồn của nước ta đọng trong quốc ngữ ! Chúng ta tâm-sự với tiếng nói của mẹ Việt-Nam, chúng ta nghe rõ trong lòng ta lời nói của mẹ Việt-Nam. Vậy tôi chắc các bạn cùng cảm thông với tôi trong cái nỗi niềm dạt dào khi nghĩ đến Mẹ.

I

Lần này cất tiếng, tôi dám trách các bạn phần nhiều, trong bao nhiêu năm đi học, các bạn đã không được đắm-thấm mấy với tiếng của ta. Tôi xin nhắc lại đây cái tình trạng của học-sinh Việt-Nam đối với quốc-văn mười năm về trước. Tôi còn nhớ cái thời 1930 đến 1934.

Không biết bây giờ các học-trò giỏi tiếng Việt-Nam có được quý-trọng hay không ? Chứ thuở tôi đi học, những người ra vẻ chăm quốc ngữ, thì chúng bạn đều cho là ông đồ, hay nhà nho, với tất cả cái nghĩa chế-miệt của những chữ ấy. Còn người nào làm thơ Việt-Nam thì ôi thôi ! họ cho là thi-sĩ, là « bô-ệt », nghĩa là cùng đồng một tên đọc nhại với cái xe một bánh chở đất, với cái xe bô-ệt, cái xe brouette.

Ấy đó, phác sơ qua cái tình trạng trước kia ở trong các nhà trường. Tình trạng ấy bây giờ có lẽ đã khá hơn, nhưng chắc đâu sự hững hờ lại chẳng vẫn còn một phần lớn ? .. Có lẽ các bạn tôi cho quốc ngữ là một thứ chữ « hoang ». Mà chữ hoang thật mà ! Nào có ai bắt phải học; nó cũng như cỏ hoang mọc bừa bãi ngoài đồng, nào có ai chăm chút trông nom. Nó là thứ cây không có trái, hay là có trái mà trái ấy không nuôi các bạn tôi được, nên thật chẳng cần phải vun trồng.

Nay những học trò đã thành những sinh-viên. Các bạn sinh-viên của tôi ! Các bạn cũng hẳn thấy trước tôi rằng : sinh viên với quốc văn có nhiều bổn phận. Các bạn hẳn cũng nhớ trước tôi, cái truyện rất hay của Alphonse Daudet tả cái buổi học cuối cùng (La dernière classe). Và Alphonse Daudet kết luận : « Một dân tộc nào mà còn giữ được tiếng của dân tộc ấy, thì dân tộc ấy cũng như giữ cái chìa khóa để tự giải-thoát cho mình ».

Tiếng quốc ngữ là cái chìa khóa mở cửa cho cái thế giới của linh hồn, cho cái thế-giới sống còn, xin anh em đừng có đánh rơi mất chìa khóa !

Sinh-viên Việt-Nam ta thật mang không biết bao nhiêu là bổn phận, không biết bao nhiêu là nợ phải trả, bao nhiêu là việc phải làm. Vậy thì sinh viên chia việc ra mà làm. Mà trong những việc hệ trọng, tất phải có cái việc ra sức vì quốc văn. Sinh-viên là những học sinh bậc nhất, những thanh-niên may nhất, học cao nhất. Nếu sinh viên, bên cái học nhà trường, không nghĩ đến cái học quốc ngữ, thì chẳng lẽ những người nhiệt tâm với quốc ngữ đều là những người khác hay sao ?

Các bạn được thông thái hơn cả trong thanh niên, hấp thụ văn-minh hơn cả những người khác không may-mắn; cái thanh-niên trí-thức ấy mà không làm việc cho quốc-ngữ, thì tất là bỏ công việc cho những người kém học hơn mình.

Điều thứ nhất là trong lòng sinh viên nào cũng phải có một lòng yêu thương quốc văn; học-trò Việt-Nam mà không yêu văn Việt-Nam, thì sao cho được !

Bạn tôi là một người có hai mẹ. Người mẹ lớn, vợ cả của thầy anh, đối với anh có biết bao là oai quyền. Nhưng người mẹ nhỏ, là mẹ sinh ra anh, tuy cam phận tiểu-tinh, mà lòng anh hằng khóc thầm với mẹ. Anh

có thể xu-phụ theo mẹ lớn để được tiền của cửa nhà, được ăn sang mặc đẹp; nhưng riêng lòng anh vẫn có một phần thiêng-liêng nhất, âu-yếm nhất, dành cho mẹ đẻ của anh. Cái phần ấy, lắm khi anh phải che dấu đi, không dám cho mẹ lớn anh trông thấy; nhưng càng che dấu lại càng thấm thiết, càng lấp vùi lại càng nóng hổi, càng chặt đẽo lại càng nở lộc, đâm chồi.

Văn quốc ngữ là một thứ văn hoang, nên anh em mới càng phải vun xới. Phải chăm nom cho nó, kéo nó héo hắt rụng tàn. Anh em đi chơi, anh em đi học, anh em không nghe tiếng quốc ngữ nó kêu gọi anh em hay sao? Anh em không nghe tiếng mẹ gọi hay sao ? Anh em nhớ nào mà hững hờ cho được !

II

Vậy thì, trong phần thứ hai của câu chuyện, tôi xin nói những công việc, mà tùy tài-năng, tùy khuynh-hướng, anh em sinh viên phải làm.

Nước ta thiếu văn dịch. Thì một số sinh-viên, lúc học bài trong lớp học, đã có khiếu về môn tiếng ngoại quốc, những sinh viên ấy chăm học thêm, ngoài tiếng Pháp đã đành, còn tiếng Anh, tiếng Đức, tiếng Nga, tiếng các nước. Để anh em sau này sẽ dịch những văn hay các nước, dịch thẳng từ nguyên văn sang tiếng mẹ-đẻ, mà

khỏi đi qua cái cầu tiếng Pháp. Là vì hiện giờ, người Việt ta đang chịu chung một cái thẹn văn học. Các nước người ta đều dịch văn ra một lần, chứ chẳng ai dịch văn ra đến hai lần cả. Nếu dịch là phản, mà phản đến hai lần thì còn gì ! Hóa chẳng chỉ có chúng ta mới chịu nhai lại một lần thứ hai, một áng văn mà người ta đã nhai lại một lần thứ nhất.

Ta tưởng-tượng, nếu cứ cầu-thả như vậy thì một người Cao-mên biết tiếng Việt, thấy một bản dịch Anna Karénine đã dịch từ tiếng Pháp sang, bèn đem dịch ra tiếng Mên cho tiện việc. Rồi một người Lào biết tiếng Mên sẽ đem dịch ra tiếng Lào. Rồi những người ở trên rừng xứ Lào lại dịch tiếng Lào ra tiếng họ. Cuối cùng, bản Anna Karénine sẽ thành ra bản Werther !

Theo ý tôi, nếu chúng ta muốn dịch văn mà lại qua đến hai lần, thì thà chúng ta nhìn hẩn cái món ăn phương xa ấy vậy. Khi mà người Việt đã có một trường Đại học, thì người Việt sao lại chịu đi vay hai lần như thế. Những con ong đi hút nhị phương ngoài về cho người Việt, chẳng phải đã có sẵn ở đó sao ? đã rõ ràng ở đó sao ? Đó là những sinh viên Việt-Nam ! Sinh viên không thể từ chối được cái phận-sự ấy. Và chóng chầy thì chúng ta cũng có được những áng văn dịch ra tự nguồn.

Vậy anh em ta phải làm sao để có thể tự hào rằng : người Việt Nam cũng có một bản dịch Faust, hay một

bản dịch Hamlet, một bản dịch Anna Karenine chẳng hạn, mà sát nguyên văn và thoát nghĩa hay là hay hơn những bản dịch của Pháp, của Espagne, hay của nước Nhật, nước Tàu.

Một số sinh viên khác sẽ khảo cứu những tinh túy của văn cổ ta, được chút nhị nào là hút ra chút ấy, để góp tất cả cái đặc sắc của Nguyễn-Du, Nguyễn-công-Trứ, của Thị Diễm, Xuân Hương, hay của Phạm Thái, Nguyễn Văn-Thành, v, v. ..., góp những cái tinh hoa ấy mà làm nên một phần của cả linh hồn quốc gia dân tộc. Cái gia-tài văn học của cha ông ta để lại, hiện nay ta chưa khai thác gì cả. Tìm ra một ít tài liệu, chưa hẳn là khai-thác ra đâu; tất phải rút trong những áng văn xưa cái mật nhụy tinh thần của chúng. Ta cứ xem người Âu họ học các tác giả của họ kỹ lưỡng đến chừng nào ! Anh em sẽ nhận cái tinh thần có phương pháp của họ mà xem lại những văn xưa, chẳng a-dua, chẳng lặp lại những điều thiên hạ vẫn nói mãi. Mà trái lại, lấy con mắt không thành kiến của một thanh-niên mới, để khám-phá ra những châu báu mà chưa ai biết nhìn. Ở bên Tàu gần đây, ông Hồ-Thích đồ bác sĩ ở nước ngoài, mà về nhà, bác sĩ đem phẩm bình trở lại những áng văn xưa, và bác sĩ đã thấy thâu đáo hơn những người từ trước đến nỗi như bác sĩ đã phun một cái linh hồn mới, cho những áng văn cổ sinh ra một lần thứ hai.

Ví dụ, nói đến truyện Kiều của ta, từ trước đến nay, động mở miệng là người ta hùa nhau bảo rằng : truyện kiều là cái « tâm sự di thần » của Nguyễn-Du ; Nguyễn Du làm tác phẩm ấy là để ngụ cái cảnh mình, tôi cũ nhà Lê, mà về với nhà Nguyễn. Thưa anh em hiểu như vậy thì cũng bằng chẳng hiểu gì !

Theo ý tôi, chủ trương như thế thì thật là trẻ con, thật là chẳng hiểu gì về sự sáng tạo nghệ thuật cả. Tôi thiết tưởng Nguyễn-Du trước khi là một ông quan thì là một con người cái đã. Nguyễn-Du viết ra truyện Kiều là vì thích viết, cần viết; là vì từng ngắm bóng trăng, là vì đã nghe gió thổi, là vì có cái hay, cái đẹp ở trong lòng nó réo-rắt, nó đòi bộc lộ ra ngoài. Một bậc thiên tài như Nguyễn-Du há lại chẳng biết rằng những sự đổi triều cũng chỉ là những việc vặt, không đáng phải làm cả ba nghìn hai trăm năm mươi bốn câu thơ để thở than. Cái kiếp người ở trong tác giả Nguyễn Du còn hệ trọng nhiều hơn nữa.

Ấy đó, ví dụ một điều nông-nổi, chật hẹp của cái nghị luận thông thường. Anh em phải là những người thấy những chỗ cạn hẹp của những thứ nghị luận, nghiên cứu ấy.

Ngoài hai bốn phận : phiên dịch và nghiên cứu, anh em còn có một bốn phận tối cao, là sáng tác. Đã đành rằng : muốn sáng tạo, muốn viết ra những văn phẩm,

thì phải có khiếu riêng, có tài trời cho sẵn. Nhưng nếu ta cứ chăm chú, cứ luyện-tập, thì tự nhiên cái mầm tài cũng phải lộ ra. Còn như không để ý gắng công trước, mà tự cho rằng mình không có khiếu, là một sự vội tin theo số mệnh. Tôi chắc-chắn rằng : nếu bao nhiêu học trò thời nay đều học quốc ngữ mãi từ lúc lên mười đến hai mươi tuổi, thì cái số nhà văn Việt Nam sẽ nhiều lên gấp một trăm lần. Và số nhà văn đã nhiều thêm, thì tất có nhiều may mắn hơn để có những nhà văn siêu việt. Trường văn trận bút sẽ đông đúc tấp nập, rủ nhau đi như một bọn người tìm đất mới, chứ không lơ thơ lẻ tẻ như cái cảnh chợ chiều hiện nay. Hễ cứ học mãi thì cái khiếu trong người mới được kích thích, được nổi dậy. Mà nếu cứ làm lơ thì dù có tài sẵn, cái tài cũng chết đi, uổng phí mà thôi.

Và tất cả các anh em, người có khiếu để phiên dịch, nghiên-cứu, hay sáng-tác, cũng như những người không có khiếu gì riêng biệt, tất cả đều có một việc làm chung, là ủng hộ cho văn Việt Nam. Tất cả phải tỏ rằng anh em xem đó là một chuyện nhà, chứ chẳng phải là một chuyện ngoại quốc, tất cả phải tỏ rằng vui, rằng thích cái trường văn Việt-Nam. Đừng có cái thái-độ hững hờ, không xem, không đọc. Trong thâm tâm của chúng ta đây, chúng ta có thể không giật mình nghiệm thấy nỗi hờ hững của chúng ta hay không ? Những tác phẩm của văn chương Việt Nam mà không dội đến trường Đại

học hay sao ? Tôi tưởng tượng ở nước người, một tác phẩm xuất hiện ra mà hay, thì các sinh-viên nước họ phải hoa tay múa chân, luận luận, bàn bàn, làm như ở trong trời đất mới sinh ra một của lạ. Họ không bao giờ chịu theo sau dư-luận, và tình nguyện đi trước phong-trào. Tôi tưởng tượng ở bên Pháp những người trẻ tuổi khi họ đi ủng hộ cho bản kịch Hernani, ủng hộ kỳ cho bản kịch ấy thắng trận, phần đông chắc hẳn là những sinh-viên, những thanh-niên học hội họa. Sinh-viên họ ở mọi nơi, ở trong cuộc dẫn đầu tư-tưởng hay hưởng ứng văn học. Còn như ở nước ta bây giờ, thắng hoặc có những tác phẩm hay bằng quốc văn xuất-hiện, thì chưa chắc anh em đã biết đến, đề đến nổi thành ra những kẻ ở ngoài phong trào : Cuộc cách mệnh thi-ca của ta gay-go trong mười năm trời nay, là công trình của ai ai. Đến khi thắng trận, cũng chẳng phải sinh viên ca khúc khai-hoàn. Mà còn gì khuyến khích các văn-gia Việt-Nam bằng cách yêu mến, cổ vũ của anh em sinh viên !

Làm sao cho cái lâu đài văn học Việt-Nam có xây lên thì anh em cũng là những kẻ đã góp phần. Chứ một ngày kia lâu đài ấy có rạn vỡ, chẳng lẽ anh em tưởng rằng nó tự trên trời rơi xuống hay sao ? Anh em sẽ giận mình biết bao, nếu trong khi người ta lo khuôn gạch, vác cây mà anh em cũng chẳng có lấy một tiếng « hò khoan », gọi là góp câu thúc giục !

Cái công việc dễ nhất và cũng có hiệu quả, là góp tiếng reo hò đó, các bạn ạ. Reo họ làm sao cho xứng đáng là tiếng reo hò của sinh-viên, phê bình làm sao cho cái dư luận của sinh viên là cái dư luận đúng nhất, và làm thế nào cho ai nấy cũng thỉnh cầu, e sợ cái thanh nghị chắc chắn của sinh viên !

III

Phần thứ ba của câu chuyện này, tôi sẽ xin phác họa vài nguyên tắc. Bây giờ anh em đã đồng lòng làm việc cho quốc văn cả rồi, thì ta theo những ý định nào, những khuynh-hướng nào khả dĩ có lợi nhất cho quốc văn ?

Sống, tức là chọn lựa. Không thể đi nước đôi được, nhất là khi văn-học Việt-Nam còn ấu-trĩ. Vậy rất sơ sài, tôi xin trình ra đây gọi là sáu nguyên tắc. Những nguyên tắc ấy có thể bàn cãi rất dài dòng; chúng nó không phải là tuyệt đối; có thể người ta bất đồng ý, có thể người ta cho là chật hẹp. Nhưng tôi quả quyết rằng : đó là những nguyên tắc cứu cho quốc văn.

Sáu nguyên tắc ấy tạm kể sau này :

Một là phản những tật xấu trong tinh thần Á-Đông.

Hai là phản những tật xấu của riêng người Việt Nam.

Ba là chuộng sự thật.

Bốn là chuộng sự lành mạnh.

Năm là chuộng sự sáng sủa.

Sáu là chuộng sáng-tác.

Điều thứ nhất : những tật xấu trong tinh thần Á đông ta là những gì ?

Thưa các bạn, tật đầu sỏ là tật lười, tật làm biếng. Lười suy nghĩ thích nhàn nhã, thích ngồi không. Cái quan-niệm của Lão-Tử, Trang Tử, nào là thanh-tĩnh, nào là vô vi, thật là hợp với sức máu chạy của người Đông Á. Nếu máu chúng ta chạy mạnh thì tật chúng ta phải xung xăng làm cái này cái nọ, chứ vô vi thì chịu sao nổi. Vậy thì trong văn học Việt-Nam, thôi ta đừng dùng cái khẩu khí hát cô đầu nữa; đừng cho cuộc sống là hư vô nữa, đừng « học làm Trang Tử thiêu cơ nghiệp », đừng « khúc Cổ-Bồn ca gõ hát chơi » nữa; mà phải thế này : cục-cung, tận tụy.

Tật thứ hai là tật « một tác đến giờ ». Ngồi mà thanh tịnh vô vi, thì dễ hiểu vũ trụ lắm. Ta cho vũ trụ là thế nào thì vũ trụ sẽ thế ấy chớ chi. Nhưng sự thật là ta phải đi nghiên-cứu, tìm-tòi mới hiểu vũ trụ được, chứ không thể ngồi mà phóng đại. Vậy thì làm việc gì, cũng phải « chăm chăm, nôm nớp », coi là phải tận cùng quan sát

mới được.

Một tật nữa là não huyền-hoặc, não chuộng thần quyền. Gần đây, trong thơ vẫn có cái một nói chuyện Liêu-trai. Có những thi sĩ nhất định lấy hồ ly làm vợ; và nếu buông cụ Bồ-tùng-Linh ra thì họ không biết nói gì. Cái tinh thần huyền hoặc của Á đông đã lộ ra trong sự theo hùa ấy. Nó còn chuộng thần, chuộng thánh, nên nó bịa ra những giấc mơ tiên, nên nhiều nhà văn phí thì giờ tả cung điện ở trên trời. Thiên đường chỉ ở trên trái đất này thôi; biết sửa đổi sự vật, thì sự vật hóa ra thiên đường, chứ hà tất phải xem chuyện quỷ, phải yêu những ma tinh, hay phải mơ những nàng tiên nữ. Còn những tật xấu riêng của người Việt ta là tật gì ? Thừa các bạn, chỉ cần kể ra đây một cái tật đại biểu. Cái tật, to lớn nhất, rõ rệt nhất, có hại nhất, là cái tinh thần mà tôi gọi là : tinh thần voi nan. Phải những con voi to lớn lắm, có đủ chân đủ vòi, nhưng nó ở trong bằng nan, ở ngoài bằng giấy. Trong kinh tế, những cái Imprimerie hay Boulangerie universelle chẳng hạn, là những cái nhà có dăm mươi thợ làm ; những đại thương cục là những hiệu bán một ít khăn quàng, bút tất; thì trong văn chương, cố nhiên những quyền Chu-mạnh-Trinh hay Nguyễn-Trãi chẳng hạn là những sự bôi phết qua loa, nào đủ tài liệu gì, nào nói ra được cái gì mới lạ. Mấy năm nay, các bạn chắc cũng đã bị cái mã khảo cứu nó đánh lừa; mua quyền sách về, được cái bìa là có ý-nghĩa!

Một bản dịch Ly-Tao mà đem điệu Sở-từ dịch qua loa ra lục bát hay song thất lục bát : voi nan. Một tập sách nói nhảm dòng-dài mà gọi là tiểu thuyết; một cuốn hát Dặm Nghệ Tĩnh mà chỉ gộp những bài hát dặm vài huyện Nghi-xuân, Can-lộc tại Hà-tĩnh, chứ chẳng thấy tỉnh Nghệ-an ở đâu : đều là voi nan cả... Voi nan để lừa độc giả, voi nan để làm tiền; kẻ làm sao xiết voi nan...

Trái với tinh thần giả dối, lừa lọc, muốn dễ ăn kia, ta phải có tinh thần làm thật. Khảo cứu là khảo-cứu thật; văn sĩ là có tài thật xuất bản là xuất bản thật những sách hay đáng với đồng tiền.

Viết một quyển sách tất là nó phải khá giầy, số trang cho khả dĩ làm một quyển. Chứ những tác phẩm bốn năm mươi trang giấy, thì thật là trò đùa. Người Việt ta có một chỗ kém là sự ngắn hơi. Sách của ta phần nhiều ngắn hơi cả. Trừ những truyện trường thiên hai ba nghìn câu thơ như Hoa-tiên, truyện Kiều, những tác phẩm khác tỏ rằng cái sinh lực của tác giả ít ỏi, nghèo nàn. Trong văn học Tàu, một bộ Hồng lâu mộng chẳng hạn, gồm có mấy mươi quyển, ta muốn dịch kỹ trong vài năm họa mới xong. Còn trong văn học Pháp, những tác phẩm lớn lao không cần phải kể. Đến như trên trường văn thế giới hiện giờ, một quyển tiểu thuyết hay cũng từ năm trăm trang giấy trở lên. Những tác phẩm mai sau của văn học ta cũng phải có lượng mới được, để tỏ

rằng cái năng lực sáng tạo của ta cũng dồi dào, chảy ào ạt trong bảy tám trăm trang sách.

Đành rằng, lời tục có nói : « Văn hay chẳng luận viết dài ». Nhưng văn đã hay mà lại nhiều, thì cái hay nó trăm hình nghìn vẻ. Nó như cả một buổi sớm mai gồm trăm hoa, nghìn lá, một vọn con chim, chứ không phải chỉ là vài giọt sương hoa. Cái hay có kèm theo cái nhiều thì mới thật là bất chước tài của tạo-hóa. Tạo hóa bày ra nào sông, nào núi, nào sóng, nào mây, nào muôn loài, chứ có phải lèo tèo ít-ỏi như trong những bài thơ Đường đâu !

Mà trong sự dài hơi ấy, ta vẫn cứ không cầu thả Văn thì chăm sóc từng câu; thơ thì sát hạch từng chữ. Sao cho trong một bài văn, bài thơ đều có cái tính cách hoàn thành. Mỗi chữ, mỗi câu, đều như những tên lính ở trong một đạo quân, chữ nào, câu nào đứng ở chỗ nào, là nó có cái lý do, cái phận-sự của nó ở chỗ ấy.

Những nguyên tắc phá hoại đã phác sơ qua. Giờ đến những nguyên tắc kiến thiết. Nguyên tắc cốt yếu là chuộng sự thật. Có những linh-hồn thật (des âmes vraies) và có những linh hồn giả (des âmes fausses). Những linh hồn thật thì ăn nói tự nhiên, thành thật với mình, thành thật với người khác; viết văn ra không khi nào đóng tuồng. Còn những linh hồn giả là những linh hồn thích dáng-diệu, thích kiểu cách, lúc những

cái khung định sẵn, và gượng làm theo như cái khuây. Những linh hồn giả sẽ ẩn trong chủ nghĩa nghệ thuật để ăn hút cho thỏa thích, rồi bịa đặt ra thuyết này, thuyết nọ. Nhưng chỉ có một cái thuyết quan hệ nhất : là phải có tài !

Chuộng sự thật, ta sẽ không sợ sự thật. Sự thật có xấu xa, ta cũng nhìn; có nhìn kỹ thì mới sửa đổi được. Nếu ta trốn cái sự thật thì cái sự thật nó cũng cứ đuổi theo ta; cũng như Boileau nói : nếu anh đuổi cái tự nhiên, cái tự nhiên sẽ cứ sòng xộc chạy trở lại.

Viết văn thật, là ta không quên những điều kiện xã hội, những sự cần thiết của muôn người chung quanh ta. Ta không nói những chuyện ở trên mù sương, mà ta ở giữa cái đời; nhận những tiếng dội của đời và cũng tung ra cho đời những tiếng của ta, bắt đời phải dội. Văn thật là cái văn xây đắp, bồi bổ cho sự sống, cho đời người. Tất cả cái gì của nhân loại mà lại không « vị nhân sinh ? », Bỏn phận nhà văn là đưa tay đây cho cái bánh xe đời chứ không thể tách riêng ra ở ẩn. Nếu ở ẩn, thì viết văn rồi cũng nên đốt cháy ra tro bụi chứ còn in ra làm gì ! Làm sao cho cuộc đời hay thêm lên, phải thêm lên, đẹp thêm lên, là viết văn thật. Còn như cái văn chương truyện kỳ quái đản văn thông dụng ở Á-đông ta, thì phải cho nó hết thời !

Nguyên tắc xây dựng thứ hai là chuộng sự lành mạnh chuộng sức khỏe. Trong văn học ta gần đây, mới nhập cảng được cái quan niệm « nghệ sĩ ». Quan-niệm khốc hại ấy từ phần cuối thế kỷ mười chín bên Pháp truyền lại. Nó cũ lắm, chứ có mới mẻ gì; mà chúng ta, sắp ở nửa thế kỷ thứ hai của thế kỷ hai mươi; chúng ta « lại khăng khăng với lấy một phần đuôi » ? Những đồ đệ của quan - niệm nghệ sĩ há lại không nhớ rằng từ lúc quan niệm ấy phát sinh đến nay, nhân-loại đã trải qua hai trận chiến-tranh, trận 1914-1918 và trận 1939 hiện nay. Những cái phản tiến bộ còn phải sụp đổ với hai trận chiến tranh, nữa là quan-niệm nghệ sĩ.

Quan niệm ấy ngày xưa cũng có, có từ ba bốn nghìn năm kia. Những người Tàu và người Việt gọi nó bằng một cái tên phong-nhã hơn : « TÀI TỬ ». Cái tên đã phong nhã hơn, mà cái ý niệm cũng phong-nhã hơn thật. « Tài tử » là người có tài. Có tài và có tình. Có tình và có ý; có biết cái hay, cái đẹp ở đời. Bọn văn-sĩ thi-gia là « tài tử » mà mặc khách tao nhân cũng là « tài tử ». Tài tử miệng gấm lòng châu. Tài tử biết :

« Cảm trời đất vô cùng - Một mình tuôn giọt lệ ».

Nhưng gió xa thổi đến, chúng ta đã bỏ cái quan niệm tài tử mà thay cái quan niệm nghệ sĩ vào. Nghệ sĩ là kẻ đi tìm cái thú ở đời, tìm mà hưởng cùng tận cái đời. Hưởng cái sống xong, họ hưởng qua cả cái chết. Hưởng

bằng sự vận cái sức khỏe cho thành ra sự bệnh hoạn. Hưởng bằng cách làm cho khác đời. « Tài-tử » khác đời ở chỗ đời trọc mà mình thanh. Nghệ sĩ khác đời ở chỗ đời khỏe mà mình ốm. Tài tử cho đời là mê, mà có lẽ mình có một phần giác ngộ. Nghệ sĩ cho đời là thường nên mình phải điên. Tài tử thì « cầm, kỳ, thi, họa, ». Nghệ sĩ thì rượu và thuốc phiện. Tài-tử thì yêu giai-nhân. Còn nghệ-sĩ thì tất là phải yêu những gái đĩ.

Tôi tự hỏi : sự hút thuốc phiện, người thường còn cho là chẳng đẹp, nên cũng hút trong một góc phòng riêng. Mà có sao bọn văn-sĩ, đáng lẽ, phải trong sạch, cao đạo hơn người thường, lại lỏa lồ mang nó ra, đem nó vào nằm trong văn chương cho mọi người xem ? Còn có cái thời nào trơ trẽn cho bằng thời này nữa không ? Người ta cho cái xấu là cái tuyệt đẹp, dám huênh hoang tự đắc vì cái dọc tẩu của mình. Dường như cái ác ý của họ là mình đã truy lạc rồi, thì vùng toé cái truy lạc ấy để người khác mặc phải, cho có bạn với họ. Cho đến nỗi một bọn thiếu niên mới xanh mái tóc, vì xem gương họ mà phải mắc cái bả phù-dung. Họ ca-tụng rằng :

Khói huyền lên ! Khói huyền lên ! ..

Thưa các bạn, đó là khói nấu cơm của dân làng bẹp ¹

¹ Ở đây, tác giả xin để những tình riêng lại một bên, không thấy người viết, mà chỉ thấy thơ đã viết.

Họ nói rằng :

Nhớ quê sâu trắng một đêm nay !

Quê đây là cái quê nâu của họ, của một bọn người chán chường không còn quê hương nào để phụng thờ nữa cả, cho nên phải lấy thuốc phiện làm quê hương.

Viết văn là một sự làm việc. Muốn làm việc thì phải có tinh thần khoẻ mạnh, phải ghét sự bệnh hoạn, phải ghét cái xấu xa của truy lạc. Hoặc giả có đôi bậc thiên tài họ có tật, thì đó cũng chỉ là những điều đáng tiếc; những điều mà xã hội làm ngơ đi cho, chứ có phải những điều để làm gương đâu. Có những người học thuộc lòng câu phương-ngôn : « Có tài thì có tật ». Thế là họ có tật trước, tật rượu chè, thuốc phiện, cô đầu. Còn như cái tài, thì nó chạy trốn ở đâu mất.

Hay là họ bảo : hút thuốc-phiện để tìm hứng ? Vậy thì cái văn thơ họ làm ra đó là văn thơ của thuốc phiện làm chứ họ có làm ra đâu. Còn người mạnh thì uống nước lã cũng cứ làm thơ hay được như thường. Với tình thế văn học Việt-Nam bây giờ, đã nhận trách nhiệm làm văn-sĩ, thi-sĩ, thì đáng lẽ chỉ ăn cơm hẩm, uống nước vôi mà làm việc cho văn-chương mới phải; đáng lẽ phải sống kiêng khem như một người tu, để làm việc cho được lâu bền mới phải. Chứ lại mê ăn mê hút mà trốn vào cái quan-niệm nghệ sĩ hay sao ?

Nguyên-tắc thứ ba, ta sẽ chuộng sáng sửa. Có nhiều người thấy bên Pháp có phong trào viết văn tối tăm, bí-hiếm, thì cho là tân-kỳ lắm. Nó mới thật, nhưng là mới cho nước Pháp, một nước đã thừa cái tinh-thần quá phân-tách, đã chán cái tinh-thần quá rõ-rệt. Chứ đem cái phong trào tượng-trung ấy sang Á-đông ta, thì chỉ là làm nặng thêm cái bệnh mơ hồ, cái bệnh mờ mịt, cái bệnh thiếu sáng-sửa của ta. Á đông đã thấy cây liễu là người đàn bà, cây trúc là người quân-tử, con chim sẻ là kẻ tiểu nhân, thì thật là tượng-trung quá lắm rồi, chẳng cần phải huyền bí thêm nữa. Khi tôi đói, thì nói : tôi muốn ăn. La Bruyere bảo : « Anh muốn nói rằng tuyệt xuống ư ? Thi hãy nói tuyệt xuống »; chứ ai lại đi dấu mày dấu mặt trong một trường văn, trường thơ kín mít là nghĩa làm sao ? Mặt của Tây-Thi không cần phải che, hay chỉ che thoáng qua một bức màn, gọi là thêm vẻ mộng thơ; chứ còn mặt mà phải dấu kín như bưng, thì họa chẳng là mặt của Chung-Vô-Diệm ! Cái đẹp không sợ ánh sáng. Cái hay thẳng hoặc cũng có mù mờ. Nhưng bí hiếm có phải đâu là một định luật ?

Với lại trào lưu thế giới hiện nay là trào lưu văn học bình dân. Mà cái bình-dân Việt-Nam lại là cái bình dân kém cỏi hơn cả. Ta phải viết văn sáng sửa để cho họ dễ hiểu. Văn của ta phải như tấm lòng hải hà của tạo-vật, đẹp thì cũng phơi ra đó cho ai nấy đều được hưởng, chứ tạo-vật có làm hàng rào, có xây thành cấm đâu. Tôi nghĩ

như triết-lý, siêu-lý là những chuyện khúc mắc, khó khăn, mà Bergson còn viết ra được những câu sáng-sủa, dễ lĩnh hội được; huống chi cái văn thơ thông thường, mà đi làm cho tối tăm hay sao ? Ở đời, có cái khó hiểu thật. Nhưng khó hiểu là vì nó cao siêu hay khúc chiết, trí ta chưa nghĩ đến kịp. Chứ còn cái khó hiểu và của những người cố ý tạo ra một thứ tiếng lóng để nói riêng với nhau, thì ta mặc họ, không cần hiểu làm gì. Nói mà chẳng muốn cho người ta nghe, thì cứ nói riêng ở trong phòng, chứ sao lại còn in ra thành sách để bán ?

Lại một khuynh hướng thứ tư, là chuộng sáng tạo.

Đã đành rằng phiên-dịch. Nhưng dịch, mới là nhập cảng. Nhập cảng rồi còn phải sản xuất nữa chứ. Văn ta kém cỏi thì cố mà viết ra những văn hay, văn đẹp cho bằng người.

Đã đành rằng khảo cứu, nhưng khảo cứu chỉ mới là quay về quá khứ. Còn hiện tại thì ta phải viết văn để xây dựng cho tương lai. Gần đây có cái phong trào khảo cứu. Nhưng nhiều người vì thế mà như khinh sự sản xuất ra văn-phẩm. Tôi xin hỏi : Nếu bây giờ chúng ta không viết văn, thì sau này con cháu ta lấy gì mà khảo cứu ? Việc chính vẫn là việc sản-suất, chứ có phải là việc vào trong viện bảo tàng đâu !

Sáu nguyên tắc đã kể trên chẳng phải là tuyệt đối. Nhưng hiện thời nhà quốc văn còn nghèo, thì con cái là chúng ta phải tuân theo một kỷ-luật. Rồi khi quốc văn giàu đủ rồi, thì lúc ấy người nào có cái thuyết gì lạ lạ hay hay để phô trương, sự ấy là một điều vui cho văn-học. Lúc ấy, hoặc có ai viết văn bí-hiểm cũng không sao, ai có chuyên nói chuyện ma quỷ cũng chẳng hề gì, ai có viết lười thì đã có rất nhiều người khác siêng năng viết giùm cho họ. Chứ bây giờ nhà nghèo, cơm thiếu, thì điều cốt tủy hơn hết là phải tìm ra những món ăn chắc thật, tẩm bổ, lành mạnh để lót lòng.

Câu chuyện đến đây, tôi xin tóm tắt lại cùng anh em bằng một tình cảnh. Này một đứa bé Việt-Nam lọt lòng ra đời. Tiếng mẹ nó ru bao bọc lấy nó, mơn trớn, vuốt ve. Dần dần đứa bé nghe lọt tai, rồi ngày ngày được ẵm bồng trong những câu ru Nam Việt. Tâm linh nó tự nhiên nhuần thấm tiếng mẹ đẻ; nghe lời ru, nó hết khóc, nó mỉm cười. Nó nằm trong nôi, mà cũng là nằm trong lòng mẹ, mà cũng là nằm trong tiếng nước nhà :

Nằm trong tiếng nói yêu thương,
Nằm trong tiếng Việt, vắn vường một đời.
Sơ sinh lòng mẹ đưa nôi;
Hồn thiêng đất nước cũng ngồi bên con... ²

Mấy câu thơ ấy của một thi-sĩ bạn tôi, thật đã tả cái cảnh yêu thương chẳng những của lòng mẹ mà còn của lòng đất nước. Hồn thiêng đất nước cũng ngồi bên con..

Đứa trẻ lớn lên, ăn nói bằng tiếng của mẹ. Tiếng của mẹ đã như thành máu huyết chạy trong cơ thể nó, nuôi lấy tinh thần nó. Nhưng nó bỗng đến tuổi mười sáu. Lúc ấy cơ-thể người con trai chuyển về tình ái, mà tinh thần người thiếu niên cũng đòi hỏi, sạo sục muôn nỗi niềm. Tinh thần đòi những đồ ăn tẩm bổ cho. Người thiếu niên khao khát được biết, được hiểu những nỗi yêu thương mơ ước, những cơn lý tưởng đến trong trí, những cái say đắm cũng như những nỗi lo lường : bao nhiêu tinh thần và tình cảm, họ đều cần có ai nói ra trước cho, để giúp họ bộc lộ cái bản ngã của họ. Người thiếu-niên ấy đi tìm. Họ tìm trong quốc-văn. Nhưng họ tìm không thấy, hay thấy rất ít-ỏi. Cố nhiên là người thiếu-niên ấy phải tìm ở trong những văn-học tiên-tiến của nước ngoài. Thế là, ở giai-đoạn ấy, tiếng Việt-Nam bỗng dung như một người mẹ không đủ sữa để mà nuôi con. Thật là đốn đau, thật là tủi hổ cho lòng mẹ !

Người người chúng ta, ai nấy cũng đều lo làm ra tiền ra bạc để dành của cho con; ăn tẩm nhịn dặt cũng vui lòng, để có thể sau này chia cho con một ít ruộng nương hay vài cái nhà gạch. Nhưng chúng ta không biết rằng, người thiếu niên đến tuổi nở nang bản ngã, họ cần sách

vở, cần lý-tưởng, cần văn học hơn là cần ruộng vườn. Chúng ta làm giàu để để của cho con, mà không ai lo làm việc tư-tưởng, việc văn học để sau này để lại cho chúng cái gia-sản tinh thần, thì con chúng ta vẫn cứ còn đói !

Vậy thì chúng ta có thấy bổn-phận của mình không? Bổn-phận ấy là : phải học quốc ngữ, để mà viết quốc ngữ, phải làm ra sách hay bằng quốc ngữ, để cho các em của ta lớn lên, chúng nó được hưởng « cây nhà lá vườn ». Để cho con cháu chúng ta khỏi phải cần một người vú tinh thần nữa.

Huông chi, có phải ai nấy đều được học tiếng các nước ngoài đâu. Hàng triệu dân ta, dù trong vài trăm năm nữa, cũng chỉ biết có cái gì là nô-m-na, là quốc ngữ. Mà cũng chỉ có quốc ngữ mới nuôi được tâm thần ta một cách thấm thía đến từng từng giọt máu, trong mỗi tế bào của ta.

Chúng ta phải làm sao cho em út chúng ta, con cháu chúng ta, đồng bào thiếu học của chúng ta, khi mở một tập văn hợp tuyển của ta, cũng như khi ta mở một tập văn-tuyển của các nước tiên tiến, sẽ được thấy một sự sống dạt-dào nghìn vạn trạng. Cho tất cả những người ấy cũng thấy tả ra trong tập văn-tuyển tiếng Việt cái cảnh người đi cày hay người đốt củi, cái cảnh con gà con vịt ở trong sân, cái tâm lý con chó con mèo ở trong

nhà ; thấy nổi tức tối của một con chồn bị mắc bẫy, nghe bình-minh gần đến, quả quyết nhe răng cắn đứt hẳn cái chân bị răng cửa chụp lấy, rồi chỉ còn ba chân, nó khấp khểnh chạy nhanh đi tìm rừng rậm, để cứu lấy, cứu để cái tự do.

Đại khái đến những loài vật mà người ta còn tả sự sống tinh-vi đến như thế, huống chi ở con người, họ tả ra đậm thắm, sâu-sắc biết bao nhiêu. Thế mà bây giờ ta không viết văn Việt-Nam, thì bao giờ con cháu ta mới được một tập văn tuyển hay mà học ? Chúng nó mà không có văn Việt-Nam nuôi nấng, thì cũng như chúng ta hiện nay, chúng nó sẽ đi thất thểu lang-thang, sờ soạng để tìm ra một linh hồn. Ta sẽ thấy con cháu ta rải rác trên các con đường, xin xỏ ở văn học ngoài những thức cần thiết.

Mà đã gọi là đi xin, hay đi vay, thì sao cho đầy đủ, cho thấm-thía tận cùng được. Vườn xa có đẹp bao nhiêu, mà vào đó ta cũng có một cảm giác lạc vườn. Cái cảm-giác xem nhờ ấy, một bạn tân học có tả ra trong một bài thơ. Ấy là bài « LẠC VƯỜN » :

Từ thuở nhỏ theo đòi Âu học,
 Vườn phương xa đã nhọc công tìm.
 Bước vào : hoa, gió, lá, chim,
 Cũng vui, cũng đẹp, êm-đềm, du-dương.
 Sao ta vẫn một thương hai nhớ

Trong cảnh người rức-rỡ biết bao ?
Tâm hồn nhỏ rể lao đao,
Trơ vơ ta đứng, nghen-ngào lòng quê.
Đang băng khuâng, ê-chề, mệt-mỏi,
Bỗng thiết-tha tiếng gọi trong không :
- « Về đây con ! Gió lạnh-lùng !
« Sương chiều xuống nặng, mẹ mong, con về ! »
Giật mình thót, giấc mê vừa tỉnh,
Nhìn chung quanh vườn cảnh huy-hoàng,
Quyết lòng ta dứt tơ vương,
Đề theo tiếng gọi mẹ đương đợi chờ.
Nay trở lại vườn thơ đất nước,
Giữa muôn hoa, suối nước trào tuôn;
Say sưa hồn tắm nguyên nguồn,
Mang về đôi chút hương vườn trời xa ³...

Kết thúc câu chuyện hôm nay, tôi xin nói gặng vài câu nữa, và nhắc lại rằng : Công việc phiên-dịch, nghiên-cứu, hay sáng-tác, có lẽ anh em chờ đến lúc đỗ tốt nghiệp ra trường Đại-học, anh em mới có thể dành chút thì giờ ra mà làm lụng. Nhưng cũng không phải đợi vài ba hay năm sáu năm nữa mà anh em mới làm việc được cho quốc-văn. Anh em có thể làm ngay chiều nay hay sáng mai được. Anh em dỡ ngay sách quốc văn ra mà đọc. Sách hay, anh em đọc, sách dở, anh em cũng cứ đọc. Anh em đừng ngại rằng quốc-văn ta nghèo-nàn,

kém cỏi, không đủ món ăn cho anh em. Không đủ, anh em cũng cứ xem, rồi thì khen lao hay chỉ-trích, hay chế nhạo cũng được ; nhưng miễn sao anh em đừng hững hờ. Anh em làm cái bổn-phận ủng-hộ, bổn phận dễ nhất của anh em.

Còn nhà chúng ta nghèo, chúng ta chớ ngại.

Nhà nghèo mà anh em ta biết chịu thương chịu khó, biết cố gắng, biết hy sinh, thì chẳng mấy chốc mà cái nhà văn-học Việt-Nam, từ vách đất mái tranh, sẽ hóa nên lầu đài cung điện.

Thưa anh em, văn học Việt Nam đang mong mỏi ở mỗi người chúng ta !

4. II. 1945

(nói ở trường Đại Học, hơn một tháng trước ngày 9. III)

HÀNG BIA VĂN MIẾU

Okìa, bạn ở Hà-nội mà không biết trong Văn Miếu có hai hàng bia, khắc tên các vị khoa giáp ngày trước ?

Hai hàng bia ấy làm bằng đá thật cứng ; mỗi tấm bia đứng trên một con rùa bằng đá thật bền. Bây giờ ta hiểu nghĩa con rùa là sự đi chậm, sự lười biếng, sự ngu độn nữa kia. Nhưng ôi tang thương ! - thuở trước người ta cho con rùa là biểu-hiệu sự sống lâu dài đặc. Những tấm bia danh dự kia chẳng phải để bền vững đời đời là gì ; người ta đã dựng chúng lên trên mu rùa, ngụ ý rằng các nhân-vật tên khắc vào bia sẽ được lưu danh thiên cổ; nói như bây giờ ta nói, sẽ « bất tử », sẽ sống lâu như rùa.

Những nét khắc sâu, cổ bám vào đá, đó là phương danh quý tính của chư vị Thái-học-sinh, của những bậc đỗ đạt rất cao, văn tài rất giỏi, vẻ-vang cho nước nhà thuở xưa. Thế mà bạn không biết đến ? Hai hàng bia, cân đối như cái mũ cánh chuồn, ngay thẳng như cái hốt, chững chạc như chiếc hia, trịnh trọng như ông quan, và vững vàng như đá, dựng lên đó cốt cho hậu thế ghi nhớ, thế mà bạn không nhớ, không ghi ? Người ở Hà-nội mà hờ hững như vậy, hướng chi kẻ ở tận chót Cà-mâu, thôi ai còn biết ông Thái-học-sinh là cái quái gì ! Hỡi ôi rêu, hỡi ôi cỏ, các người đã làm mục cả tên đẹp của bao

nhiều quan nghề đời xưa !

Một chiều kia, tôi đã nhận bài học của hai hàng bia Văn-Miếu. Tôi xin kể lại bài học ấy cùng mọi người.

Thái-học-sinh nghĩa là gì ? Nghĩa là những cậu học sinh giỏi giang, ở trên cả các học sinh khác, những « người học trò tốt » vậy. Nghĩa là thuở Hán-học, các học-sinh ấy khéo thuộc lòng, khéo ăn cắp sách, khéo nấu nướng những món văn sách, kinh sách, kinh nghĩa, nấu giả Đường, giả Tống cũng như người ta nấu giả cày, và dọn lên cho các quan trường thưởng thức. Các thái-học-sinh ấy đã làm việc rất hữu công cho thân mình họ, bởi cái lẽ hiệu nghiệm nhất là họ đã làm việc không công cho tiếng nước Tàu.

Thời ấy cũng như bây giờ, - và có lẽ bây giờ lại còn hơn thời ấy - họ ráng hiểu cái tinh thần sâu xa của những tiếng chi, hồ, giả, dã, như bây giờ ta ráng thấu cái thuần túy của những tiếng à, de ; không thêm học ý, họ chỉ cần học chữ, có khác gì chúng ta. Cũng như chúng ta, người xưa đã chấp đầu nó vào đuôi kia, rút ở sách này mấy câu, giật ở quyển này một đoạn, nhặt của cụ ấy một khúc, ăn mày ông nọ vài giòong, rồi vênh vào ngâm nga những áng văn tuyệt tác, nó là cái món áo vá của đứa ăn xin !

Nào có ra gì bác Nguyễn Du, nếu bất hạnh Nguyễn Du không đỗ đạt ! Thần đồng là cậu bé nào nhỏ sách Tàu giỏi hơn máy thu thanh đời nay : và người nào viết văn Tàu mà giống hệt người Tàu, là thiên tài đó ! - Cũng như bây giờ...

Cha ông ta xưa lại khờ đến nỗi tưởng bạc giả là bạc thật, tưởng con vẹt cũng là người. Có nhảm thế, mới dựng nổi hai hàng bia Văn miếu, nêu danh những người giỏi chữ Hán, như vinh-hạnh lớn cho non sông kỷ niệm những nhân tài, nó chỉ là những nô lệ ! Chắc những người có tên nơi hai hàng bản danh dự đó, xưa kia đã chắc nắm năm được hậu thế trong tay, và gặt gù làm thêm những sách vở bằng chữ Tàu, để sau này cho con cháu Việt-Nam học. - Cũng như bây giờ.. .

Hai hàng bia Văn-miếu ! Tôi tự hỏi sao chúng ta mù, không thấy cái gương hiển hiện của lịch sử ; sao chúng ta không nghe tất cả mĩa mai của cái mà chúng ta gọi là danh dự. Tôi buồn cười trông thấy sự ngây ngô của đời trước, tưởng rằng đậu ông nghè là có đại công với văn học, với tổ quốc, với xây đài kỷ-niệm. Cái dụng ý mỹ-miếu xưa, nay đã hỏng bét. Người Việt Nam đời này đã bỏ xó cái « công danh Tàu » đời trước : và cái « công danh Tây » đời này, người Việt-Nam đời sau sẽ để vào góc nào ? Chắc sẽ có một Văn-miếu thứ hai, hai hàng

bia đá khác ghi tên những ông nghè, ông thạc và rêu tha hồ bám, cỏ tha hồ che. ..

(đăng « NGÀY NAY» năm 1938)

TUY-LÝ-VƯƠNG THI-SĨ TÀU

Văn như Siêu, Quát, vô Tiền Tăng độ
Thi đảo Tùng, Tuy, thất Thịnh Đường.

Người ta nhắc đến hai câu thơ này đã bao nhiêu lần, một cách hả hê lắm. Sở dĩ người ta có thể hả hê được là vì người ta không chịu nghĩ một chút nào, cũng như người ta nói đến hai hàng bia Văn-Miếu mà không thấy đó là hai hàng bia mả mai.

Trong những tập văn-sử hay trên các báo chương người ta vẫn thường nói đến ông Hoàng-Tuy-Lý. Bảo rằng đó là một ông hoàng, thì tôi không cãi được ; bảo rằng đó là một bậc đức hạnh đáng khen, tôi cũng xin vâng. Nhưng nói đến số văn nghiệp của Tuy-lý-vương, thì hãy cho phép tôi do dự. Tuy-lý-vương, nhà thi hào làm mất cả thời Thịnh Đường ? Có lẽ, có lẽ lắm. Nhưng dường như thời Thịnh Đường ở bên Tàu thì phải. Vậy thì ông Tuy-lý vương ấy có can hệ gì đến tôi, người Việt Nam ? Với tôi, với văn học Việt-Nam, Tuy-lý-vương chỉ là « thi sĩ củ khoai » mà thôi ! Chỉ là một bác thợ thơ tài cũng bé như cái củ khoai, không hơn, không kém. Nghĩa là người ta có thể vứt đi như vứt một cái củ khoai, chẳng thiệt thòi gì cho văn chương Việt Nam.

Thực thế ư, Tuy-lý-vương là một bậc thi-hào ? Xin người ta đừng nhắc điều ấy mãi mà tôi thêm tiếc. Nếu quả thực Đức-Ông là một thi tài lỗi lạc, thì Đức-Ông đã gánh vàng đổ xuống sông Ngô. Sao ông không thương đến con cháu là chúng tôi bây giờ, nỡ lòng đem tài hoa của mình phụng sự văn-chương ngoại quốc ?

Nếu ông làm thơ Việt-Nam, thời chúng tôi bây giờ đã có một Tuy-lý-vương, đã được ngâm ngợi những lời thơ tao nhã, đã được thưởng thức một cái văn tài. Nếu ông bỏ cái học mượn của ông đi, chăm chú đến cái học thực đản là tiếng Việt-Nam mà ông nói với con, với vợ, với cả vua Tự Đức nữa, thì bây giờ chúng tôi đã khỏi ân hận. Nếu ông đừng chê tiếng của mẹ ông, thì văn chương Việt-Nam có thể hay hơn văn chương Tàu, vì trong thơ Việt-Nam, làm bằng tiếng Việt-Nam, cái thi tứ lại dồi dào tao nhã hơn thơ Thịnh Đường nhiều lắm. Nếu.. nếu... nếu quái gì nữa ! Tuy-lý vương ngài đã trót làm thơ Tàu mất rồi !

Bây giờ những lời châu ngọc của Tuy-lý-vương xếp xó vào chỗ nào ? Sang bên Tàu, chúng ta sẽ tìm thấy những bài thơ thất Thịnh Đường của Tuy-lý-vương chẳng ?

Hay là thơ của ngài chỉ để cho một nó ăn, và cả đến con cháu ngài, e cũng chả hiểu ngài định nói gì trong cái thơ chữ Hán đó. Công trình của ngài đã là công cốc,

ngài đã phí thời giờ bóp đầu nặn trán để sinh ra những bài thơ giả, tiêu bên nước Nam chẳng được, mà đem sang nước Tàu, người Tàu cũng cóc cần. Ôi ! chúng ta đã mất Tuy-lý-vương ! Tuy-lý-vương là một đứa con hoang vô thừa nhận. Thơ của ngài không gốc rễ, cái thi tài của ngài, nếu thực lộng lẫy, thì cũng lộng lẫy trong hư vô. Nước Việt-Nam đã báo thù những kẻ khinh tiếng Việt Nam. Và dù cho ai có đào lịch-sử lên để viết ký sự, hay còn sót một ông đồ nào nhắc thơ túy lúy, thì người Việt Nam cũng chẳng dư trí nhớ để nhớ một thi-sĩ Tàu mà chính người Tàu cũng chẳng thèm nhìn.

Ai mượn các ông Đặng-đức-Siêu, Cao-bá-Quát, Tùng thiện-vương, Tuy-lý-vương làm mất nhà Tiền Tấn và đời Thịnh-Đường ?

Các ông làm mất nước Tàu đâu chẳng thấy, chỉ thấy các ông làm mất tiếng Việt-Nam. Các ông có vàng mà chẳng tô cho cái nhà quốc-ngữ đơn sơ, lại đem dâng công cho một cung điện đã quá giàu, quá sang là tiếng nước Tàu. Sao chúng ta không biết học tiếng ngoại quốc vì tiếng Việt Nam ? Được thế thì đâu đến nỗi văn chương Việt-Nam còn ít ỏi, nghèo nàn như thế này. Chúng ta đã giàu không biết bao nhiêu là bậc kỳ tài và bao nhiêu ông trạng nguyên xưa đã được ghi tên vào văn-học-sử.

Trong đôi bài văn thơ chữ nôm, thần Siêu, thánh Quát đã tỏ cho ta thấy những đặc điểm rất hay. Nếu cả tác-

phẩm của hai người đều viết bằng tiếng Việt-Nam cả !
 Nếu hai nhà vương kia, hai nhà thi-bá kia cũng đều chịu
 nôm na mách quế ! Nếu vua Tự Đức cũng hiểu cái quan
 hệ của tiếng nước nhà !

Ồi ! Có lẽ chúng ta đều là người mất gốc cả. Mấy
 nghìn năm, chúng ta đã tưởng chữ Tàu là tiếng của ta,
 và bây giờ, chúng ta cũng đang tưởng những điều tương
 tự như thế. Thôi, hai câu ngự thi kia, để làm gì nữa ?
 Phải thay đi như sau này, họa chăng mới đúng :

Văn như Siêu, Quát, vô Nam-Việt !
 Thi đảo Tùng, Tuy, thất Việt-Nam !

Văn mà cứ viết chữ Hán, thơ mà cứ làm chữ Tàu như
 kiểu Siêu, Quát, Tùng, Tuy, thì chỉ tổ mất tiếng Việt-
 Nam mà thôi ! Và, thưa các bậc kỳ tài làm văn, làm
 thơ tây, từ này đến giờ tôi chưa nói mất lòng các ngài,
 nhưng chắc các ngài cũng khá thông minh để hiểu rằng
 sở dĩ tôi cãi kịch-liệt về Tuy-lý-vương, là cốt ý cho các
 ngài tự ngắt các ngài một chút.

(Đăng NGÀY NAY năm 1938)

CÁI HỌC QUẦN QUANH

Gần đây, nhân cái phong trào quay về với vốn cũ của cha ông, nhiều bạn tân học giận mình không biết cái chữ la-tinh của Á-đông, quay về học chữ Hán. Nhưng ở đây, trong sự học lại chữ Hán, người Việt chúng ta lại cũng không biết học.

Trong bao lâu, chúng ta quá hững hờ với chữ Hán, thứ chữ mà tiền-nhân chúng ta dùng đã mấy nghìn năm. Nay biết mình sơ suất, chúng ta học để bù vào. Chữa cái khuyết điểm của ta, thật là cần thiết. Nhưng có phải thực rằng như thế là ta đã tỉnh ngộ chưa ? Hay chỉ thay vào cái lầm này bằng một cái lầm khác ?

Chúng ta học chữ Hán để mà tiếp xúc, giao cảm với tiền-nhân. Tổ-tiên chúng ta trót đã hiểu lầm quá lâu, nên đã lỡ dùng cái chữ nước Tàu làm chữ quốc gia. Nay chúng ta không thể nào được, muốn không lạ lòng hẳn với tổ tiên, đành phải lại học cái chữ của nước Tàu. Sự ấy cũng là bất đắc dĩ. Giả sử công trình dùng chữ nôm của Hồ-quý-Ly, của Nguyễn-Huệ đều thành cả, giả sử từ thuở vua Ngô lập nước, chúng ta đã dùng ngay cái tiếng của dân đen thì bây giờ những dân chúng ta, hay hơn nữa, những bố cu mẹ đi, muốn hiểu đời Trần, đời Lý, cũng chỉ có việc tập tành, cố gắng, luyện trí thông minh, chứ chẳng cần học những chữ chi, chữ hồ. Chúng ta nay muốn hiểu tổ-tiên, lại buộc phải học những chữ

chi, chữ hồ áy. Thì ta cứ học ! Học là lẽ cố nhiên. Nhưng chúng ta trở lại học chữ Hán như thế nào ? Như thế này đây !

Lúc trước những học-sinh viết thư cho « mon cher frère » hay « mon cher ami », thăm hỏi chuyện trò không phải bằng cái chữ quốc-ngữ. Bây giờ những người đậu thành chung hay tú tài viết thư về cho « thân-phụ », rồi tiếp theo bằng một tràng chữ Tàu ! Tôi không nói ngoa, vì có những cụ già khoe với tôi rằng người con thư-ký của các cụ độ này viết thư về thăm nhà toàn bằng chữ Hán ! Trời đất ! Chứ cái chữ quốc ngữ nó biến đi đâu rồi ? Mà hết chữ này thì đến chữ khác, người ta chỉ chực khoe mình giỏi chữ nước ngoài, nghĩa là mình giỏi ?

Chưa xong ! Một nhà thi-sĩ mới, tự học lấy mà giỏi chữ Hán, dạy Hán-tự ở một trường tư nọ. Sự ấy chỉ đáng khen. Nhưng một người bạn tân học của nhà thơ, nhân nhà thơ cưới vợ, bèn có cái cử chỉ đặc biệt mến yêu, thân mật, là viết mừng thi sĩ một bài thơ chữ Hán, tám câu năm vần, giữa có hai câu đối như hai cặp bò mang chung một cái ách ! Có gì đâu ! Chỉ vì người tân học ấy vừa học được cái chữ của nước Tàu !

Thật biết những câu chuyện kia, tức mà có thể chảy nước mắt ! Vừa mới học chữ Pháp xong, tự cho mình là giác-ngộ, lại học ngay chữ Hán, để rồi viết thư cho bố bằng chữ chiệc, và mừng đám cưới bạn bằng thơ Tàu !

Lúc nào thì cái chữ quốc-ngữ của ta cũng bị nhãng quên. Trong óc những con một chữ ấy, chắc chưa khi nào họ nghĩ rằng có cái tiếng Việt. Thà các cụ đồ, đã trót lún mình trong cái văn-tự mượn, thì các cụ chìm luôn trong ấy; chứ bọn thanh niên chúng ta, mà vừa rút đầu ra khỏi hồ nọ thì lại đâm ngay vào cái hồ kia.

Chúng ta bây giờ học chữ Hán thì phải học thế nào kia; học sao cho bổ ích về đường học vấn, học để xem bia, xem sử, xem sách vở của cha ông. Để hiểu cái phân Hán-tự trong văn nước Việt. Để thấu rõ phong tục của người mình. Để biết quá khứ mà lo liệu cho tương lai. Học bằng một ý-chí mới, một ý-tưởng mới, là phụng sự cho tiếng nước ta. Học như vậy, thì ta có thể học tiếng ra-đê hay tiếng bà-nà, cũng vẫn cứ bổ ích. Chứ mang cái nhiệm vụ thanh-niên, ở giữa một nước khai hóa có nửa chừng, mà lại quay về học làm thầy đồ hay sao ?

Học chữ Hán như thế, thì thà đốt đi cho xong ! Những người một chữ, cho họ đốt tiếng ngoại quốc, họ còn được biết dùng cái chữ Việt. Họ chỉ có việc đánh vần ra mà viết những câu nô-m-na giản-dị, để cho mẹ họ hiểu được thư của con với, chứ chẳng dành riêng cho ông cha. Để cho người vợ cũng hiểu được bài thơ, chứ chẳng dành riêng cho người chồng. Để cả đầy tớ trong nhà cũng hiểu được những lời vàng ngọc của họ với chứ ! Những con một chữ ấy, bây giờ mà còn làm thơ

Đường luật bằng chữ Hán, thì còn đợi gì mà chẳng làm văn sách, kinh nghĩa đi ?

Ồi ! Cái kim thì nó còn chỉ hướng nam, chứ họ thì là những cái chong chóng. Quay rồi lại quay, quay gió này rồi quay gió nọ, cái học cứ quần quanh.

Nay nhân cái phong trào phục cổ, có những trang thanh-niên thông minh tuần tú, cả những nhà thơ gọi là « mới » nữa, chỉ thề bằng văn Tống với thơ Đường. Như thế gọi là mùa cổ điển ! Họ gật gù đánh cờ, và đọc bài Trương Tiến Tửu : « Hừ... hừ... Quân bất kiến hoàng hà chi thủy thiên... ». Họ ngâm thơ chiệc và rung đùi. Như thế là họ trở về với cái tinh túy của tiền nhân. Cái học mới ta chưa lĩnh hội được bao nhiêu, ta chưa tạo ra được máy móc gì, mà dùng một cái, chúng ta đã trở về với « trời bến Phong Kiều » hay « thu sông Xích Bích ». Phong Kiều hay Xích Bích đi nữa, thì chúng nó cũng chẳng phải là Hoàn Sơn hay Nhị Hà ! Mới trở lại học chữ Hán được vài năm, mà ta chui ngay vào cái vòng nô lệ cũ.

Tất cả các ông giáo ở một trường kia theo một vị khoa giáp nọ để học kinh dịch. Học mà khảo cứu cho biết thì cũng được đi. Nhưng không ! Học để bói bằng cỏ thi và mu rùa. Cỏ thi là có gì ta chẳng có biết ! Thì ta cứ vơ một nắm đũa hay một bó tằm mà gọi là cỏ thi cũng được.

Cái máu phục cổ, cái máu nệ cổ của chúng ta, chúng ta vẫn chưa thải được. Chừng nào trở lại được thời thịnh trị của vua Nghiêu, vua Thuấn thì mới cam lòng ! Ôi ! Có cái xưa hay của kẻ sĩ, và cái xưa dở của ông đồ. Bạn thanh niên đi học cái xưa dở. Cho nên các cụ đồ gần đắc ý lắm, thấy bọn thanh niên lại trở lại quy phục mình. Các cụ lại đắc thời trở lại, có thể các cụ mới giày cho người ta bó cổ thi !

Còn nói gì phương diện quan niệm, tư tưởng ! Nước ta chưa tiến, đáng lẽ coi gương các nước đã theo tân học mà tiến luôn cho nhằm đường, để tránh sự bại vong. Cái này ta chưa làm được việc gì, mà cái quan niệm hư vô của Lão Trang đã trở lại trong đầu óc ta, trong văn chương « mới » của ta, như nó đã đầy rẫy trong những bài hát cô đầu của các cụ. Thì ra cái chữ nhàn, nghĩa là cái chữ nhác, nó ở tận trong tủy của ta. Thì ra cái lỗi nhắm mắt mặc chuyện đời của Lý Bạch vốn ăn sâu trong máu của ta rồi ! Đời bây giờ mà chúng ta lại hát khúc Cổ Bồn của Trang Tử ! Đốt ! Đốt hết ! Đập ! đập cả ! Hãy nghe ngao trong cái thú « hi di » ! Thật là cái khẩu khí hão của bọn anh hùng rơm. Phải chi có được cái can đảm cuồng bạo của Néron, đốt cả một thành phố thì cũng là tân-kỳ. Phải chi đem hủn ngọn lửa nấu cơm mà đốt cái nhà của họ ở, thì cũng cho bỏ cái khẩu khí. Nhưng không, cái mái nhà họ chẳng cháy một miếng tranh nào cả. Họ đốt đây là đốt cái dục tẩu ở trên ngọn

đèn dầu lạc đó thôi !

Uống rượu rồi, họ nguyền say cho đến vô vi. Vô vi! Đã không thèm làm thì cũng đừng có thèm ăn. Cái này đã thèm ăn ngon, lại còn thèm cả thuốc phiện. Sao chúng ta, người Việt-Nam, lại lấy cái vốn văn chương của người Tàu làm cái vốn của mình ? Thấy người ta giàu, (mà họ cũng chỉ giàu đồ cỏ !) mình viện tình họ hàng từ xưa mà xin công-ty với, để được kể vào hàng tiên tổ, những cụ Lão Tử, cụ Tô Đông Pha, cụ Bồ Tùng Linh ! Mà chính danh thủ phạm lại là bạn tân học !

Quẩn quanh, quanh quẩn, cái học luẩn quẩn cứ loanh quanh ! Trở xuống gốc để nhìn lại những cái rễ của mình, cũng là điều tốt. Nhưng quay đầu lại, tìm cách cắn cái đuôi của mình, thì chỉ đi vòng tròn.

Mảnh tình viết đến cuối bài, vẫn còn cái cơn muốn khóc !

CÔNG DANH VỚI SỰ NGHIỆP

Nước Việt-Nam ta lụn bại vì công danh. Người Việt Nam hàng nghìn năm cho đến nay, hiểu lầm hai chữ công danh. Đang lúc các bạn thiếu niên nhiều người có ý ngóng ngóng chờ chờ đi học trở lại, đang lúc sắp mở một kỷ nguyên mới cho nước ta và cho nền giáo dục Nam-Việt, tôi tưởng không gì cần thiết bằng bàn rõ cùng các bạn đi học, về cái công danh.

Chúng ta thường nhắc những trang sử vẻ-vang, những chiến công oanh liệt, thì chúng ta một mặt khác, cũng phải biết xét vì đâu mà nước ta yếu đuối; cũng phải thấy cái di-truyền nghìn cổ nó hãy còn đè nặng trên trí não của ta. Sở dĩ lúc người Pháp sang mà nước ta không thể đối đầu, tôi thiết tưởng cũng vì hàng nghìn năm rồi, học trò Việt-Nam đi học, chỉ nghĩ đến đường công danh mà không nghĩ đến cái sự nghiệp.

Cái cuộc chạy đua tranh cướp chức vị, nó ráo-riết trong cả 80 năm đô hộ của Pháp, cuộc chạy đua ấy cũng đồng một giọng với sự thi cử nghìn năm của nước ta xưa. Cái mầm lụn bại nó nấp sẵn ở trong sự học làm đường rồi, cho nên nước ta mới phải yếu hèn như vậy.

Cùng với nước Tàu, nước Việt ta xưa chuyên chú về học khoa-cử : Khoa-cử là cái khuôn sẵn của nhà cầm quyền để nắn ép nhân tài. Người nào muốn xuất đầu lộ

diện, muốn ra ứng dụng với đời, đều phải đi thi trước đã. Có đỗ thì mới ra làm quan; và phải làm quan đã thì muốn thi thố tài năng gì mới hòng thi thố được. Nhưng khôn một nỗi, khoa-cử là cái học chật hẹp, cái học bóp chẹt người ta trong khuôn khổ một câu văn, trong sáo hủ của vài ý tưởng chính thức được nhà cầm quyền công nhận; cái khoa cử ấy nó nghiêm nghịet quá, nên nhân tài nào đi qua cũng phải chặt bớt, đẽo bớt, gọt cho nhẵn, sửa cho cân, đến nỗi ra xong cái khuôn, thì nhân tài đã chết rồi, chỉ còn lại một ông cống, ông nghè vô vị.

Cái khuôn của triều vua thống trị đã đặt sẵn như thế, dưới thì có một bài kinh nghĩa, trên thì có một bài phú hay một bài thơ; mà trong những thứ ấy thì phải nói đi đi lại lại có mấy ý trong Khổng-giáo. Thế vẫn chưa hết. Chắt ăn đã chẳng có gì tẩm bổ, mà cách nấu cũng hạn chế mất rồi. Nấu thì phải nấu giả Đường, giả Tống ! đến chỗ câu ấy thì phải có chữ hồ, chữ hĩ, thỉnh thoảng lại ngừng lại để nói mấy câu chiếu lệ tán dương.

Cái học khoa cử nó giết nhân tài như vậy; nó làm cho học trò mất bản ngã là thế; nó đuổi sự sáng tạo, sự phát minh.

Ấy thế mà nó đã là cái công danh đây ! Ta có thể nói trắng ra rằng nó thật ngẩn ngơ, và không thông minh một chút nào cả. Mà vì sao các cậu nhỏ, các thầy đồ Việt-Nam trước lại cứ đi theo ? Thừa các bạn, vì cái

công danh ! Vì nhà nước chuộng như thế, vì xã hội theo như thế, cho nên học trò đi học cứ thế mà làm; cái học ngu dại mà cũng cứ vui lòng theo, miễn sao cho đỗ cái bảng, để được lòng mấy cô yếm thẩm giải đào, rằng đen nhưng nhức.

Các bạn chớ cười cậu nho vội ! Trông xưa lại ngẫm đến mình ! Chúng ta nay làm gì đấy, nếu không phải là cố sao đỗ được cử nhân, bác sĩ để được lòng những cô tân thời ? !

Ồi ! Công danh ! Lớp học trò chữ Hán đã nhâm vì cái công danh; nước Việt-Nam ta xưa đã mất vì cái công danh Tàu. Lớp học trò chữ Tây lại nhâm vì cái công danh; nước Việt-Nam ta nay đã lụn bại vì cái công danh Pháp. Vậy ta phải vạch mặt cái công-danh ra cho rõ, để ai nấy nhìn nó cho kỹ mà đừng nhâm nữa, đừng tưởng nó là danh dự nữa, là mục đích của sự sống nữa. Ta hãy bóc cái lột gấm của nó, hãy tước hết cái hào quang giả của nó, hãy lột cái lớp mạ vàng, « rút cái mề đay liệng xuống sông », và chỉ vào nó mà nói rằng : Hỡi công danh ! Mày chỉ là sự kiếm gạo !

Thưa các bạn ! Gạo thì ta có thể nào mà không kiếm ? Có thực mới vực được đạo; bao giờ mà lại chẳng phải nghĩ đến gạo ? Chúng ta kiếm gạo là lẽ thường. Nhưng chúng ta phải có trí rộng rãi và sáng-suốt. Rộng-rãi để biết rằng cái công-danh kiếm gạo không dành chiếm cả

trí não ta : sáng suốt để thấy rằng cái công danh kiếm gạo nó ở vào bậc dưới cùng của thang giá-trị.

Cuộc đời sở dĩ chạy được là nhờ ở cái công-danh kiếm gạo. Nhưng nếu chỉ có cái công danh kiếm gạo mà thôi, thì cuộc đời chỉ chạy vòng tròn. Cuộc đời còn phải tiến lên, sự sống còn phải đi xa hơn nữa, thế kỷ hai mươi một cần phải hoàn hảo hơn thế kỷ hai mươi; nên cái công danh kiếm gạo ta phải liệt vào hạng bét của sức hoạt động của ta, mà phải nghĩ đến sự sáng tạo một cái gì, làm một cái gì, để lại một thành tích khả quan gì có thể đẩy cho bánh xe tiến hóa; nghĩa là ta phải nghĩ đến SỰ NGHIỆP vậy.

Anh em chúng ta lúc nhỏ đi học, đã bị cha chú chúng ta lừa; cha chú chúng ta khi trước đi học đã bị cái nhảm tích trữ lại của lớp ông chúng ta lừa. Lúc bắt đầu đi học, xã-hội không giảng cho ta thế nào là công danh, thế nào là sự nghiệp; ai nấy cũng chỉ lo kiếm gạo, đã kiếm gạo lại kiếm cả ô-tô, nhà lầu; cả mọi người lớn đều bận đi tìm vàng, nên chẳng ai ngẫm nghĩ sâu xa mà dạy cho chúng ta. Chẳng ai bảo bên tai ta rằng :

« Con đi học đây, là có hai phần học. Một phần rất dễ, rất xoàng, nhưng cần phải có, là con đi học để lập thân, để sau này dễ kiếm miếng ăn. Nhưng con cũng ngày đêm nhớ đến phần thứ hai, khó khăn hơn, nhưng tôi cần, là con đi học để mong có một sự nghiệp. Trong

khi đọc những sách hay, nhìn những công việc làm của người đi trước, con phải đào trong trí óc con, trong tâm hồn con, xem thử có gì hưởng ứng hay không; xem thử trong bản ngã con có cái mầm sáng tạo gì nó đòi nở hay không; con phải cố tìm cái mầm ấy mà nuôi nó, để đời con không phải là đời của một con số, để sự sống, để cuộc đời còn đi xa hơn hiện nay.

Chúng ta ngày hai buổi cắp sách đến trường, mòn cả đũng quần, rách cả ống tay áo, thi hết bằng nọ đến bằng kia; để rồi đi qua cái cửa khai hoàn, làm thành ông bác sĩ, ông kỹ-sư, ông dược-sư, quan tri-huyện... Nhưng chúng ta có thành ông kỹ sư, hay ông bác-sĩ, thì cũng đến vợ con chúng ta hưởng là cùng. Cái cửa khai hoàn kia, thưa các bạn, ai dựng cho ta qua ? Có phải xã hội đâu ! vì ta chưa thêm sự tiến bộ gì cho xã hội; ta có sáng tạo, có khám phá ra cái gì đâu toàn là người khác khám phá ra cho ta học theo cả, thì cần gì nhân loại phải làm cho ta một cái cửa kết hoa ? Cái cửa treo hoa và cờ giấy ấy, chính là những bà cô, bà dì treo lên cho ta đó thôi. Bà cô gọi « cháu tham », bà dì nói : « ấy ông kỹ sư nhà tôi đấy », bà thím chào : « thưa cháu bác sĩ », bà mợ khoe : « cháu huyện tôi vừa đi nhậm chức về ». Và trong khi ấy, các cô tân-thời xum xoe khoe áo đẹp, các bà có con gái rói-rít cả lên. Cha mẹ chúng ta hỉ hả như sinh ra được những thiên tài ông bà chúng ta cố sống thêm dăm tuổi để được sắc phong.

Tất cả những cái ấy, cộng thêm một lớp nhà gạch, hay một chiếc xe nhà, làm nên cái công danh đấy. Thầy đồ xưa hủ bại vì cái công danh ấy, học sinh nay mòn mỏi cả tài năng vì cái công danh ấy. Rồi nước ta nửa thế-kỷ nay mở cửa đón chào văn-minh mới, mà chưa có ai ghi tên vào khoa học, chẳng có ai khám phá ra một con vi trùng, dân ta vẫn khổ, nước ta vẫn nghèo, một phần cũng vì bọn chúng ta đi học, chỉ nghĩ đến cái công danh !

Vậy thì thưa các bạn : Chúng ta hãy nghĩ vừa đủ về cái công danh ấy mà thôi, cái thứ công danh nuôi dạ dày và dắt vợ con đi chơi phố. Chúng ta đi học, phải nghĩ đến sự nghiệp, để đời ta có ý nghĩa, để nước Việt-Nam cũng có thể góp cho nhân loại một ít nhà thông thái, để người Việt-Nam ta chẳng phải chỉ là một bọn người ngồi mát để ăn cái bát vàng mà những thiên-tài các nước làm ra.

Muốn thế ta phải lập chí ngay từ lúc nhỏ. Lúc mới bắt đầu biết khôn, ta chớ sợ gì mà chẳng làm những Đông-ky-sốt, ta lập chí đầy vào cái bánh xe tiến hóa sau này.

Có những cậu học-trò khi xưa chép dán vào phía trong nắp hòm hai câu thơ của Nguyễn-công-Trứ. Mỗi khi mở hòm, cậu học trò lại đọc thấy :

Đã mang tiếng ở trong trời đất,
Phải có danh gì với núi sông !

Các em út chúng ta, lúc mới lớn lên, cũng đều phải có cái thái độ nghiêm trang, trịnh trọng như vậy. Ở tuổi mười lăm mười sáu, đừng nên có cái nào thấy sự gì cũng là khôi-hài. Lúc bắt đầu mở-mang trí-tuệ, tội gì ta không đặt cái chí của ta cho cao. Ta cứ đặt cho siêu việt, sau này dù có phải hạ bớt xuống cũng không hề gì. Chỉ có đáng cười, đáng khinh là những bọn khi đi học chữ à, chữ de... đã cố tâm làm một cái giá mắc áo. Chỉ có đáng sỉ vả là cái hạng cha mẹ đem làm truy-lạc cái tuổi mười sáu mười bảy của đứa con mình, trong khi trí khôn nó đang như mặt trời bình minh. Hạng cha mẹ ấy luôn luôn nhắc cho con nhớ đến nỗi gạo, trở cho con thấy cái gương ông phán, ông tham. Thật là hạng cha mẹ đem bán con vào chốn lầu xanh, lầu xanh nô lệ !

Lập chí từ lúc đi học, ta sẽ có gan mơ những anh hùng hiệp-sĩ, ta không ngần ngại mà xin ngọn lửa sáng tạo đốt cháy đời ta như một que củi; chẳng có sự-nghệp nào to lớn quá đối với sự bạo dạn ngây thơ của ta.

Rồi khi lớn lên, ta sẽ thấy rằng lập chí như vậy chẳng có gì là vô lý cả. Vì ta đã biết có hai thứ sự nghiệp : có cái sự nghiệp chói loà của những bậc anh hùng hay những đại-thiên tài ; lại có cái sự nghiệp khiêm nhường của tất cả những người muốn gánh vác. « Vai mang trái

đất mong phò chúa, giáp gột sông trời khó vạch mây»... Nếu cái tài của ta nhỏ, đó không phải lỗi tại ta ! Ta đã có gan ôm lửa sự nghiệp vào đầu !

Thật ra, ai cũng có thể có một cái sự nghiệp cả. Nghĩ ra một cái đình cũng là một sự-nghiệp ; pha ra một thứ thuốc cũng là một sự nghiệp. Sự nghiệp là tất cả những cái gì vun đắp thêm cho sự sống : sự nghiệp là lấy cái vốn cũ của nhân loại mà làm cho sinh sôi nảy nở một chút gì. Cái ý sự nghiệp là cái ý tài bồi, cái ý sáng tạo. Còn như người đi trước dạy cho ta học được ngần nào, ta chỉ học đúng đến ngần ấy, rồi cứ thế mà kiếm ăn, đó là ta làm công-danh ! Làm công-danh thì dù anh có thức khuya dậy sớm đến ho lao, cái siêng học của anh chỉ là một sự nhác lười vô cùng tận. Làm công-danh thì cuộc sống của nhân loại sẽ mượn hình một cái ao : cái bọn làm công-danh dù có béo cho mấy cũng chỉ là một bọn cá hồ, chưa hề biết sự sáng tạo không ngừng của biển cả !

Chỉ có sự nghiệp mới được bền lâu. Bền lâu chẳng phải ở sự lưu danh : bền lâu là ở nơi thành tích. Cái công trạng của những bậc gây dựng sự nghiệp còn ở mãi trong sự sống của một dân tộc, hay hơn nữa, của cả loài người. Những hàng bia ở ngay Văn-miếu mà người Hà-nội ai chẳng muốn xem, chỉ vì những ông nghè có đồ ông nghè thì cũng chẳng phải đã làm nên sự nghiệp.

Chúng ta nay kính yêu Nguyễn-công-Trứ, không phải là vì Nguyễn-công-Trứ đồ cử nhân, mà chỉ vì Uy-viễn tướng-công là một vị doanh-điền-sứ đại tài ; chúng ta nhớ đến Nguyễn-Du không phải vì một mảnh bằng, mà chỉ vì đó là tác-giả thiên văn chương tuyệt bút. Còn như Lê-Lợi thì đồ bằng gì ? thì nào có công danh chi đâu ? Thế mà đời đời ta nhớ công đức Thái-tổ nhà Lê đã hồi sinh cho dân tộc ; Nguyễn-Huệ vẫn tự xưng là một người không đi học, mà nay ai chẳng nhớ ơn.

Mấy năm về trước, tôi vẫn tự hỏi : ta đã có một văn miếu Tàu, sao ta chưa có một văn-miếu Tây ? Văn miếu ấy chưa ai lập ra, mà đừng một cái, cái công danh Tây đã bị phá sản. Các bạn ngẫm chuyện ấy cũng thấy rằng : công danh là cái phù-vân trên đời. Công danh Tàu hay Tây, hay gì gì đi nữa, cũng chỉ như một đám mây qua ; ta chớ xoay theo lắm làm gì, chỉ tỏ làm nô lệ và làm mất nước. Hay nếu ta muốn có công danh thật, thì ít nhất ta cũng phải tạo nên cái công-danh ta, cái công-danh Nam-Việt, với những bằng cấp Việt-Nam ; như thế thì giờ có xoay chiều nào đi nữa, ta cũng cứ là ta.

Đó, cái ý-nghĩa của sự nghiệp là như vậy. Là ở sự tạo tác, dù nhỏ, dù to. Sự-nghiệp có thành công là một điều tối hân hạnh ; nhưng sự-nghiệp dù không thành đi nữa, thì cái ý muốn làm cho sự tiến-bộ, tự ý nó cũng đã đẹp lắm rồi.

Tước bỏ hết cả những ý niệm về sự thành công, con người có lập chí bao giờ ít nhất cũng đã gây dựng được một sự nghiệp gần-gũi, thiết thực, là cái sự nghiệp làm người. Phải, làm một con người chính định, đội trời đạp đất ở đời, biết cái chân giá-trị nó ở nơi sự sống cao đẹp, biết tất cả cuộc đời là một sự đi lên, biết liêm-sỉ, biết nhòn tởm sự khom lưng cúi đầu, biết sợ đến rùng mình cái gông tinh thần, cái cùm nô-lệ. Kiếm gạo thì cứ kiếm gạo ; có ăn mới sống; nhưng không lặn hụp trong cái công danh. Sống mà không làm bản thiêu sự sống, cũng đã là một sự nghiệp đẹp lắm rồi !

Mà tại sao chúng ta lại không hy-vọng ? Một triệu học trò trong một nước, ai cũng lập chí cả, thì trong mười năm, lại chẳng sinh ra được một trăm anh tài lỗi-lạc hay sao ? Anh-tài lỗi-lạc chẳng phải là một ông bác sĩ khám bệnh lấy tiền đâu ; anh tài là một người giữa cái nguy cơ quên nguồn, đã viết nên một bộ Việt-sử : anh tài là một người đầu tiên làm ra một bộ tự điển quốc ngữ : anh-tài là những kẻ cố làm sao cho khoa học, triết-học có thể khảo-cứu bằng tiếng Việt-Nam...

Chúng ta hãy cố công, và cố công ! Thế nào ta cũng sẽ có một ít sự nghiệp. Mà cũng có một thứ sự nghiệp này nữa, là sự nghiệp can đảm của những chiến-sĩ ; họ đem máu của họ, đem cái đời họ vút vào để lấp cái hố bất công. Chớ tưởng rằng một sự sống vút vào cái hố

bất công mà mất đi. Không, nó lặn xuống dưới, làm cạn bớt cái hồ ; và chờ những sự sống khác vút vào, mãi mãi vút vào, thì cái hồ cũng phải lấp cạn. Sự nghiệp là thế đó ; những trang anh kiệt đã chịu tù chịu tội, các bạn tưởng họ vút đời của họ vô bổ hay sao ? Sự nghiệp của họ là đây : nếu dân Việt-Nam ta còn chưa bị bọn áp chế xử như dân mán dân mường, dân Việt-Nam ta chẳng bị liệt vào dân mọi, là nhờ có họ. Nói ra thì như là khôi hài, nhưng nếu bọn thực dân còn chịu để cho người Việt-Nam một ít quyền hạn, nếu những ông kỹ sư, bác-sĩ người Việt cuối tháng còn lĩnh một món tiền phòng được ví da, đó là nhờ những anh kiệt chịu chết, để cho những phần tử khác hưởng đời. Những anh kiệt ấy tỏ rằng dân Việt-Nam là dân biết chết, cho nên là dân đáng sống !

Áp dụng những ý tưởng trên đây về công danh và sự nghiệp, thanh niên trí-thức ta hiện nay phải thế nào ?

Nước ta đến một nẻo quanh của lịch sử; nếu không đi sang được ngã đường mới, nếu phải thụt lại đường xưa, thì chúng ta học mà làm gì nữa ! Học hành ! Học chỉ để mà hành. Thời này, bọn em út chúng ta có thể cứ học tiếp theo, nhưng chúng ta phải hành chứ không được học. Mẹ chết, thì cô bé mười tuổi cũng phải thành người chị cả ; cha mất rồi, thì đứa con nít lên chín cũng phải thành ông chủ gia đình. Huống chi những anh em

trên tuổi hai mươi, ta còn nghĩ chuyện học nổi được sao? Nước Việt-Nam sắp thay hình lột vỏ, bọn chúng ta học là học cái gì mới được chứ ? Học là công việc thời thường, hành là công việc thời biến.

Nếu trường Đại-Học mở cửa ra, thôi thì anh em ai nấy lại lo công danh ; lo học nổi cái phần bằng còn thiếu, kéo cô vị-hôn-thê vẫn chờ ; lo tốt-nghiệp cho khỏi uổng tiền mười năm cha mẹ gửi ; lo có mảnh bằng cho yên chuyện. Trường mở cửa, thì anh em ai lo lợi nấy, nghĩ chuyện nhà, chuyện vợ, rồi thì việc lớn chẳng ai còn thềm nhìn.

Anh em ơi ! Sống chết là ở lúc này ; vứt ngay cái công-danh đi, nghĩ đến cái sự nghiệp. Anh em ơi ! Thời bây giờ là thời ném bút. Bây giờ mà nói học vì khoa-học là nói dối : chúng ta chỉ lấy cớ để trốn tránh bốn phận.

Từ rầy về sau, muôn kiếp học trò sẽ mãi mãi coi rẻ cái bả công-danh...

(Ngày 20-III-1945)

HOÀNG ĐẠO THÚY

Trai nước Nam làm gì
Nghề thầy

ĐẶNG THAI MAI

Lỗ Tấn

XUÂN DIỆU

Trường Ca
Gửi hương cho gió

NGUYỄN TUÂN

Vang bóng một thời
Nguyễn

NGUYỄN HỒNG

Hơi thở tàn

THANH TỊNH

Ngậm ngải tìm trầm